

- Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: số 02 đường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công Th – Phó Chủ tịch UBND quận S. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 06 đường N2, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Hồ Thăng Nh. Địa chỉ: K37/26 đường N2, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Việt H1. Địa chỉ: Phòng số 113 Chung cư N, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Phòng số 113 Chung cư N, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2020). Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện - ông Trần Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 15 tháng 01 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện là ông Trần Đình T trình bày:*

Ông Trần Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hủy Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 12/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 đối với Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị của các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến đường suối cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng. Bởi vì: Nguyên trước đây thửa đất này là đất khai hoang vào năm 1982 của nhiều thế hệ bộ đội hưu trí, sau đó ông nhận chuyển nhượng, lúc đó do các ông không nghĩ đến giấy tờ viết tay, nhưng có xác nhận của chính quyền địa phương. Đất này gia đình ông sử dụng vừa để ở vừa kinh doanh sản xuất trồng nấm từ đó cho đến khi bị thu hồi (có giấy phép kinh doanh) nhưng không được bố trí đất tái định cư mà chỉ được hỗ trợ, bồi thường cây cối hoa màu trên đất. Theo ông T thì một số hộ dân cạnh đất của ông cũng bị thu hồi nhưng lại được bố trí mua đất tái định cư cụ thể như là hộ bà Vũ Thị Kim Liên...còn trường hợp của ông dù diện tích đất lớn hơn nhưng chỉ được hỗ trợ, bồi thường cây cối hoa màu trên đất là không đúng. Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Ông Trần Đình T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện đúng việc thu hồi và bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho ông và bà Trần Thị

Việt H1 được mua hai lô đất tái định cư như các hộ dân tương tự như trường hợp của ông.

** Theo Văn bản số 2077/UBND-TTTP ngày 31/3/2020, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Nội dung khiếu nại ông Trần Đình T khiếu nại Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa thuộc diện giải tỏa thực hiện dự án khu đất dự trữ phía đông tuyến đường cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng; yêu cầu đền bù 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và bố trí 200m² đất tái định cư.

Theo kết quả xác minh thì nguồn gốc nhà đất và việc thu hồi đất: Tại bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất của hộ giải tỏa được Ủy ban nhân dân phường T2 xác nhận ngày 21 tháng 7 năm 2014 thì hộ ông Trần Đình T xây dựng nhà (không có giấy phép xây dựng theo quy định) trên đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân phường T2 chấp thuận cho các hộ hưu trí gồm: ông Hồ Thăng Nh, ông Võ Văn C1, ông Nguyễn Quang C2, ông Trần Văn C3 xin khai hoang sản xuất tăng thu nhập vào năm 1982.

Hộ ông Trần Đình T thuộc diện thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đất dự trữ phía đông tuyến đường cầu T3 theo Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận S. Thửa đất này có diện tích sử dụng là 896,2m² thuộc thửa đất số 07 tờ bản đồ số 618m², diện tích thu hồi là 896,2m².

Biên bản kiểm định lập ngày 21 tháng 7 năm 2014 đã được chủ hộ, tổ kiểm định, Ủy ban nhân dân phường thống nhất xác định hiện trạng gồm nhà tạm, trại trồng nấm, vật kiến trúc và cây cối hoa màu.

- Về việc thu hồi đất, bồi thường thiệt hại.

Căn cứ diện tích đất bị thu hồi, nguồn gốc đất nói trên, Hội đồng BTTH và GPMB dự án xét tính pháp lý về nhà đất và trình Ủy ban nhân dân quận S ban hành Quyết định 3843/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, nhà cửa và tài sản khác gắn liền trên đất cho hộ ông Trần Đình T như sau:

- + Không bồi thường thiệt hại về đất;
- + Hỗ trợ 50% giá trị nhà, vật kiến trúc;
- + Bồi thường cây cối, hoa màu theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Xét kiến nghị của các hộ dân thuộc diện giải tỏa Khu dự trữ đất phía Đông tuyến đường cầu T3 và trên cơ sở báo cáo của Hội đồng, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định 3267/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016, theo đó đồng ý hỗ trợ công bồi trúc đất tương ứng với mức 60% đơn giá

đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 đồng bằng, đơn giá 35.000đ/m², thành tiền là 18.820.200 đồng.

Ngày 17 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định 7936/QĐ-UBND thống nhất hỗ trợ thêm 30% giá trị nhà, vật kiến trúc theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; không giải quyết bố trí tái định cư.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định 1864/QĐ-UBND phê duyệt:

- + Hỗ trợ chênh lệch giá trị bồi thường về nhà cửa và kiến trúc theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 và Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố tương ứng thành tiền là 92.141.670 đồng.

- + Hỗ trợ thêm công bồi trúc đất tương ứng với mức 40% đơn giá đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 đồng bằng, đơn giá 35.000đ/m², thành tiền 12.546.800 đồng;

- + Hỗ trợ khó khăn 10.000.000 đồng;

- + Hỗ trợ phần cây cối hoa màu mật độ tương ứng thành tiền 19.137.100 đồng.

(Hỗ trợ trên cơ sở thống nhất bàn giao mặt bằng).

Ngày 26 tháng 04 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định 1854/QĐ-UBND thống nhất hỗ trợ thêm 30.000.000 đồng do hộ chủ hộ phải ngừng sản xuất kinh doanh năm (giải quyết trên nguyên tắc chủ hộ tự nguyện bàn giao mặt bằng, không đề cử cưỡng chế thu hồi đất).

Như vậy, hộ ông Trần Đình T được phê duyệt tổng mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, nhà cửa và tài sản khác gắn liền trên đất như sau:

- + Về hỗ trợ đất: Hỗ trợ công bồi trúc đất tương ứng với mức đền bù 100% đơn giá đất trồng cây lâu năm, vị trí 1 đồng bằng, đơn giá 35.000đ/m², thành tiền: 31.367.000 đồng.

- + Về hỗ trợ tài sản trên đất: Hỗ trợ 80% giá trị nhà, vật kiến trúc theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, thành tiền 157.054.020 đồng.

- + Về hỗ trợ khác: Hỗ trợ chênh lệch giá trị bồi thường về nhà, vật kiến trúc theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 và Quyết định 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 tương ứng 92.141.670 đồng. Hỗ trợ khó khăn 10.000.000 đồng. Hỗ trợ phần cây cối hoa màu vượt mật độ tương ứng thành tiền 19.137.100 đồng. Hỗ trợ thêm 30.000.000 đồng do chủ hộ phải ngừng sản xuất kinh doanh năm.

- Về đất tái định cư:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của ủy ban nhân dân thành phố thì trường hợp của ông Trần Đình T không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư do diện tích bị thu hồi của gia đình ông là đất nông nghiệp, không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở. Hiện tại hộ ông T không có hộ khẩu không sinh sống tại địa chỉ giải tỏa. Bên cạnh đó, ngày 09 tháng 11 năm 2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận N1 có Công văn 997/CNVPĐKDD về việc xác minh ông Trần Đình T có sở hữu Giấy chứng nhận số CM677907, tại thửa đất 289, tờ bản đồ 102, diện tích đất 100m², diện tích xây dựng 94,0m², diện tích sử dụng là 621,5 m² tại địa chỉ Khu dân cư N3, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Hiện nay, hộ ông Trần Đình T đã nhận 80% tiền bồi thường hỗ trợ thiệt hại và chưa bàn giao mặt bằng.

3. Kết quả đối thoại:

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức đối thoại với công dân và kết luận như sau: Không chấp nhận nội dung khiếu nại về việc yêu cầu bố trí tái định cư của ông Trần Đình T. Giao Hội đồng bồi thường thiệt hại, hỗ trợ và tái định cư quận S xem xét đề xuất hỗ trợ khó khăn thêm cho gia đình ông Trần Đình T số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, Hội đồng Bồi thường thiệt hại, hỗ trợ và tái định cư quận S có Báo cáo số 244/BC-HĐBTTH về việc giải quyết nội dung khiếu nại của hộ ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1, thuộc diện giải tỏa dự án Khu đất dự trữ phía đông tuyến đường suối cầu T3 phường T2 quận S, theo đó đã giao cho Ủy ban nhân dân phường T2 mời ông Trần Đình T đến làm việc nhưng ông Trần Đình T không thống nhất chủ trương của lãnh đạo thành phố về việc xem xét hỗ trợ thêm với số tiền 30.000.000 đồng, không đồng ý về việc bàn giao mặt bằng và đề nghị được bố trí tái định cư.

4. Kết luận: Từ kết quả xác minh nêu trên, kết luận:

- Việc giải quyết các chính sách bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ khác cho hộ ông Trần Đình T như trên là phù hợp và thỏa đáng.

- Về việc không bố trí đất tái định cư: Căn cứ vào diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở là không đủ điều kiện để bố trí đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố nên việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không giải quyết bố trí đất tái định cư là đúng quy định.

“Điều 47. Đối tượng bố trí đất tái định cư và nhà ở chung cư

1. Nguyên tắc bố trí tái định cư: Hộ thuộc diện giải tỏa bị thu hồi hết đất ở hoặc diện tích đất ở thu hồi từ 1/4 (một phần tư) hạn mức công nhận hoặc 1/2 (một phần hai) hạn mức giao đất ở trở lên và có nhu cầu đất tái định cư.

Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng căn cứ nguyên tắc trên để lập phương án tái định cư cụ thể cho từng dự án”

Từ những cơ sở nêu trên, việc ông Trần Đình T yêu cầu được bố trí 200m² đất tái định cư và đền bù 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc là không có cơ sở xem xét giải quyết.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

UBND thành phố Đà Nẵng tại Văn bản số 6426/UBND-NCPC ngày 28 tháng 9 năm 2020, trình bày:

Đối với yêu cầu của người khởi kiện trong vụ án trên, UBND thành phố thống nhất theo nội dung Công văn số 2077/UBND-TTTP ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và bổ sung thêm nội dung sau: Hiện nay, hộ ông Trần Đình T và Trần Thị Việt H1 đã nhận 100% tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và đã bàn giao mặt bằng. Tại biên bản tiếp nhận mặt bằng, ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 cam kết sau khi bàn giao mặt bằng thì gia đình ông bà không còn quyền lợi gì liên quan đến diện tích đất đã bàn giao...và đề nghị UBND phường T2 và UBND quận S hỗ trợ tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc, tài sản trên đất đã bị thu hồi.

Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tại Văn bản số 2233/UBND- VP ngày 20/10/2020 trình bày:

Đối với vụ khiếu kiện hành chính này, UBND quận S thống nhất với ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 2077/UBND-TTTP ngày 31/3/2020 về việc có ý kiến đối với đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Trần Đình T và Công văn số 6426/UBND-NCPC ngày 28/9/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc khởi kiện hành chính của ông Trần Đình T.

Ủy ban nhân dân phường T2 tại Văn bản số 1163/UBND ngày 24/9/2020 trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến đường Cầu T3, trong đó có thửa đất số 07, tờ bản đồ số 618 (theo đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường thành phố Đà Nẵng xuất thửa) tại phường T2 và theo Công văn số 551/UBND ngày 21/5/2019, UBND phường T2 có ý kiến về nguồn gốc của thửa đất như sau: Hộ ông Trần Đình T, số hồ sơ 05, xây dựng nhà (không có giấy phép xây dựng theo quy định) trên đất của UBND phường T2 quản lý và chấp thuận cho các hộ hưu trí gồm: Ông Hồ Thăng Nh, ông Võ Văn C1, ông Nguyễn Quang C2, ông Trần Văn C3 để khai hoang sản xuất tăng thu nhập vào năm 1982.

Bà Trần Thị Việt H1, do ông Trần Đình T đại diện theo ủy quyền, tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Tôi thống nhất với quan điểm của người khởi kiện trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Ông Hồ Thăng Nh, tại bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2020, trình bày:

Tháng 6 năm 1982, tôi và các ông Nguyễn Quang C2, Trần Văn C3... trong tổ hưu trí (tôi làm tổ trưởng tổ hưu trí và cũng là tổ trưởng tổ khai hoang) có làm đơn xin khai hoang khu vực suối mương cầu T3 và được sự chấp thuận của UBND phường T2. Tuy nhiên khoảng 1, 2 năm sau thì 3 ông không tham gia nữa, gia đình con cái tôi khai hoang, trồng hoa màu. Đến khoảng thời gian (tôi không nhớ), tôi chuyển nhượng lại cho ông Trần Đình T một phần diện tích đất, giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền, giá cả hai bên thỏa thuận (nhưng đó chỉ là tiền hoa màu). Nay ông T khởi kiện tại Tòa án, tôi không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, Điều 213, Điều 305 và Điều 307 của Luật tổ tụng Hành chính; Điều 74, 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Đình T đối với Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 12/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 đối với Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị của các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến mương suối cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng và đồng thời yêu cầu được mua hai lô đất tái định cư.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 04/11/2020, người khởi kiện – ông Trần Đình T kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng vì cho rằng: Bản án trái với quy định trong Điều 74, 75 Luật đất đai năm 2013, Bản án cũng không đề cập đến những người cùng điều kiện nhưng được bố trí tái định cư.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung và căn cứ của kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng là người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện – ông Trần Đình T kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng vì cho rằng: Bản án không chấp nhận các nội dung khởi kiện của Ông để hủy Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 12/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 đối với Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị của các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến đường Cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng, đồng thời yêu cầu được bố trí 200m² đất tái định cư và đền bù 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc là trái với quy định trong Điều 74, 75 Luật đất đai năm 2013, Bản án cũng không đề cập đến những người cùng điều kiện nhưng được bố trí tái định cư thì thấy:

[2.1]. Ngày 19 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận S ban hành Quyết định số 1409/QĐ-UBND thu hồi 896,2m² đất thuộc thửa đất số 07 tờ bản đồ số 618 do Ủy ban nhân dân phường T2 quản lý, người sử dụng là ông Trần Đình T để thực hiện dự án Khu đất dự trữ phía Đông tuyến đường Cầu T3. Theo Biên bản kiểm định lập ngày 21 tháng 7 năm 2014 đã được chủ hộ, tổ kiểm định, Ủy ban nhân dân phường thống nhất xác định hiện trạng gồm: Nhà tạm, trại trồng nấm, vật kiến trúc và cây cối hoa màu. Thửa đất số 08, tờ bản đồ 618 là đất do UBND phường T2 quản lý nên không kê khai trong sổ mục kê,

mục đích sử đất là đất trồng hoa màu. UBND phường T2 chỉ giao cho các ông Võ Văn C1, Hồ Thăng Nh, Nguyễn Quang C2 và Trần Văn C3 khai phá trồng hoa màu, ông Trần Đình T không được giao quyền sử dụng đất. Theo Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất của hộ giải tỏa được Ủy ban nhân dân phường T2 xác nhận ngày 21 tháng 7 năm 2014 thì hộ ông Trần Đình T xây dựng nhà (không có giấy phép xây dựng) trên đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân phường T2 quản lý và chỉ chấp thuận cho các hộ hưu trí gồm: Ông Hồ Thăng Nh, ông Võ Văn C1, ông Nguyễn Quang C2, ông Trần Văn C3 xin sản xuất tăng thu nhập vào năm 1982.

[2.2]. Sau khi có Quyết định số 1409/QĐ-UBND thu hồi 896,2m² đất và trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại và khởi kiện thì ông Trần Đình T không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối chiếu với quy định tại Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì hộ ông Trần Đình T không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông T là đất nông nghiệp, không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở nên nên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không giải quyết bố trí đất tái định cư như yêu cầu của ông T là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 47 Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Mặt khác, hiện tại ông Trần Đình T cũng đang sử dụng thửa đất số 289, tờ bản đồ 102, diện tích đất 100m², diện tích xây dựng 94,0m², diện tích sử dụng 621,5m² tại Khu dân cư N3, phường K, quận N1, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM677906.

[2.3]. Để giải quyết chính sách đối với hộ ông Trần Đình T, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều Quyết định hỗ trợ về giá trị nhà, vật kiến trúc, bồi thường cây cối, hoa màu; Hỗ trợ chênh lệch giá trị bồi thường về nhà cửa, vật kiến trúc, hỗ trợ công bồi trúc đất, hỗ trợ khó khăn, hỗ trợ do chủ hộ phải ngừng sản xuất kinh doanh... Ngày 17/11/2016, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 7936/QĐ-UBND thống nhất hỗ trợ 30% giá trị nhà, vật kiến trúc theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố; không giải quyết bố trí tái định cư. Không đồng ý với Quyết định số 7936/QĐ-UBND, ông Trần Đình T tiếp tục khiếu nại; ngày 12/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4610/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 đối với Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị của các hộ

thuộc diện giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến mương suối Cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở xem xét đánh giá hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất của các hộ nói trên, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 là có căn cứ, đúng quy định. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Trần Đình T về việc tuyên hủy Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 12/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 đối với Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị của các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến mương suối Cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng và đồng thời yêu cầu được bố trí 200m² đất tái định cư, đền bù 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện – ông Trần Đình T kháng cáo yêu cầu được xem xét lại các Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Trần Đình T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[3]. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Đình T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Trần Đình T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng Điều 74, 75 Luật đất đai năm 2013.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Đình T đối với Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 12/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Đình T và bà Trần Thị Việt H1 đối với Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị của các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đất dự trữ phía Đông tuyến mương suối Cầu T3, phường T2, quận S, thành phố Đà Nẵng và đồng thời yêu cầu được mua hai lô đất tái định cư.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Đình T không phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến